

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: GIÁO SƯ
Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Sinh học; Chuyên ngành: Động vật học

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

- Họ và tên người đăng ký: Vũ Đình Thống
- Ngày tháng năm sinh: 24/11/1975; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;
Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.
- Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:
- Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): CT2, Khu đô thị mới Văn Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, Hà Nội.
- Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện):
Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật (Viện STTNSV)
Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam (Viện Hàn lâm KHCNVN)
18 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại nhà riêng: không
Điện thoại di động: 0945560108; E-mail: thongvudinh@gmail.com
- Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Thời gian	Công việc, chức vụ	Cơ quan công tác
04/2000-09/2011	Nghiên cứu viên	Viện STTNSV
10/2011-04/2013	Nghiên cứu viên, Phó Trưởng phòng	Viện STTNSV

Ban hành kèm theo Công văn số: 82 /HDGSNN ngày 18 /5/2022 của Chủ tịch HDGS nhà nước

05/2013-01/2018 Nghiên cứu viên chính, Trưởng phòng Viện STTNSV

02/2018 – nay Nghiên cứu viên cao cấp, Trưởng phòng Viện STTNSV

Chức vụ: Hiện nay: Trưởng phòng; Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng phòng

Cơ quan công tác hiện nay: Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật

Địa chỉ cơ quan: Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

Điện thoại cơ quan: 02438361855

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

- Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật
- Học viện Khoa học và Công nghệ
- Trường Đại học Tây Bắc
- Trường Đại học Khoa học Tự nhiên - Đại học Quốc gia Hà Nội
- Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
- Trường Đại học Nông Lâm - Đại học Thái Nguyên
- Trường Đại học Cần Thơ

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

- Học viện Khoa học và Công nghệ
- Trường Đại học Tây Bắc

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 14 tháng 6 năm 1998; số văn bằng: 87253; ngành: Sinh - Kỹ thuật Nông nghiệp, chuyên ngành: Động vật học; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Việt Nam.
- Được cấp bằng ThS ngày 20 tháng 2 năm 2023; số văn bằng: 349; ngành: Sinh học; chuyên ngành: Động vật học; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Việt Nam.
- Được cấp bằng TS ngày 18 tháng 4 năm 2011; số văn bằng:..; ngành: Sinh học; chuyên ngành: Động vật học; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Đại học Tuebingen, CHLB Đức.

10. Đã được bổ nhiệm chức danh PGS ngày 18 tháng 11 năm 2016, ngành: Sinh học.

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh GS tại HDGS cơ sở: Học viện Khoa học và Công nghệ - Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

Ban hành kèm theo Công văn số: 82 /HDGSNN ngày 18 /5/2022 của Chủ tịch HDGS nhà nước

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh GS tại HDGS ngành, liên ngành: Sinh học.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Phân loại học động vật
- Sinh thái học động vật
- Âm sinh học

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 3 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) 6 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS;
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên:
 - + Đề tài cấp quốc gia (Quỹ NAFOSTED): 2
 - + Đề tài cấp Viện Hàn lâm KHCNVN: 3
 - + Đề tài cấp cơ sở Viện STTNSV: 3
- Đã công bố (số lượng) 107 bài báo khoa học, trong đó 35 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín (ISI) và 3 bài báo trên tạp chí quốc tế khác;
- Số lượng sách đã xuất bản 5, trong đó 5 thuộc nhà xuất bản có uy tín, bao gồm:
 - + Sách chuyên khảo: 2 (Học viện Khoa học và Công nghệ)
 - + Sách tham khảo 2: (Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật)
 - + Sách hướng dẫn: 1 (Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật)

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Giấy khen của Viện STTNSV trong các năm 2017, 2020.
- Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở của Viện STTNSV các năm 2014-2016, 2018, 2019, 2021.
- Bằng khen của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam năm 2016.
- Giấy khen của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Tự nhiên - Đại học Quốc gia Hà Nội trong các năm 2013 và 2018.
- Giải thưởng quốc tế Spallanzani về nghiên cứu và bảo tồn dơi.

16. Kỷ luật: không.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Ứng viên đã được đào tạo ở những trường đại học uy tín ở trong và ngoài nước, đảm bảo trình độ chuyên môn, luôn trung thực, khách quan trong công tác giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động chuyên môn khác.

1.1. Tiêu chuẩn

- Đạt tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:
 - + Có bằng Tiến sĩ phù hợp với chuyên ngành giảng dạy;
 - + Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên;
 - + Có trình độ ngoại ngữ bậc 4 (học tiến sĩ ở nước ngoài);
 - + Có trình độ tin học đạt chuẩn theo quy định tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT.
- Đạt tiêu chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ:

Ban hành kèm theo Công văn số: 82 /HDGSNN ngày 18 /5/2022 của Chủ tịch HDGS nhà nước

- + Hiểu và nắm vững kiến thức cơ bản của môn học được phân công giảng dạy và có kiến thức tổng quát về một số môn học có liên quan trong chuyên ngành đào tạo;
- + Hiểu và nắm vững mục tiêu, kế hoạch, nội dung, chương trình các môn học được phân công thuộc chuyên ngành đào tạo. Xác định được thực tiễn và xu thế phát triển đào tạo, nghiên cứu của chuyên ngành ở trong và ngoài nước;
- + Biên soạn bài giảng, tập hợp các tài liệu tham khảo cập nhật có liên quan đến chuyên môn, chủ trì và tham gia biên soạn sách chuyên khảo và sách tham khảo phục vụ công tác giáo dục và đào tạo;
- + Chủ nhiệm và tham gia nghiên cứu khoa học, tổ chức và hướng dẫn các nghiên cứu sinh, học viên cao học và sinh viên nghiên cứu khoa học; ứng dụng, triển khai những kết quả nghiên cứu khoa học vào công tác giáo dục và đào tạo;
- + Có phương pháp giảng dạy hiệu quả, phù hợp với nội dung của từng môn học và chương trình đào tạo của từng môn học; hoàn thành mọi nhiệm vụ giảng dạy được giao.

1.1. Tiêu chuẩn

Ứng viên đã thực hiện tốt những nhiệm vụ của giảng viên; trong đó có những nhiệm vụ sau:

- Giảng dạy, hướng dẫn sinh viên, đánh giá khoá luận tốt nghiệp, báo cáo thực tập cuối khoá,... của các cơ sở đào tạo học tập kiến thức chuyên môn và nghiên cứu khoa học, bao gồm:

- + Trường Đại học Khoa học Tự nhiên - Đại học Quốc gia Hà Nội
- + Trường Đại học Khoa học Tự nhiên - Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh
- + Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
- + Trường Đại học Tây Bắc
- + Trường Đại học Nông Lâm - Đại học Thái Nguyên.

- Giảng dạy chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ, hướng dẫn và đánh giá luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ của nhiều cơ sở đào tạo, bao gồm:

- + Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật
- + Học viện Khoa học và Công nghệ
- + Trường Đại học Khoa học Tự nhiên - Đại học Quốc gia Hà Nội
- + Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
- + Trường Đại học Cần Thơ
- + Trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 12 năm (2010-2022).
- Khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS (theo Quy định của HDGSNN):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
4	7/2019-6/2020					75+60		135/135/135

Ban hành kèm theo Công văn số: 82 /HDGSNN ngày 18 /5/2022 của Chủ tịch HDGS nhà nước

5	7/2020-6/2021					75+45+60	(45x1,5) + (45x2)	270/337,5/135
6	7/2021-6/2022					45+60	45x1,5	150/172,5/135

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.
 - Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;
 - Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Bảo vệ luận án TS tại nước: CHLB Đức, năm 2011

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: tiếng Anh cho sinh viên quốc tế (có Giấy xác nhận của cơ sở đào tạo).

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Văn phòng Chương trình Tiên tiến, Trường Đại học Nông Lâm - Đại học Thái Nguyên.

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS đã được cấp bằng:

TT	Họ tên NCS	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1	Hoàng Trung Thành	<input checked="" type="checkbox"/>		<input checked="" type="checkbox"/>		2013-2017	Trường Đại học KHTN-ĐHQGHN	24/12/2018 (QT 001731)
2	Đào Nhân Lợi	<input checked="" type="checkbox"/>		<input checked="" type="checkbox"/>		2014-2018	Viện STTNSV - Học viện KHCN	28/12/2018 (008583)
3	Nguyễn Văn Viêt	<input checked="" type="checkbox"/>			<input checked="" type="checkbox"/>	2014-2018	Viện STTNSV - Học viện KHCN	16/07/2020 (VST.002)

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1	Thú rừng – Mammalia Việt Nam: Hình thái và Sinh học sinh thái một số loài	CK	Nhà xuất bản Khoa học tự nhiên và Công nghệ	5		Chương IV (75-178)	Học viện Khoa học và Công nghệ (Quyết định số 1050/QĐ-HVKHCN ngày 23 tháng 6 năm 2022)
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
2	Phân loại học và tiếng kêu siêu âm của các loài dơi ở Việt Nam	CK	Nhà xuất bản Khoa học tự nhiên và Công nghệ	1	✓	1-257	Học viện Khoa học và Công nghệ (Quyết định số 1049/QĐ-HVKHCN ngày 23 tháng 6 năm 2022)
3	Atlas nhận diện các loài dơi ở vùng Tây Bắc Việt Nam	HD	Nhà xuất bản Khoa học tự nhiên và Công nghệ	5		9-103	Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật

Trong đó: có 2 sách chuyên khảo (số TT 1, 2), 1 sách tham khảo (số TT 3). Cả 3 sách do nhà xuất bản uy tín (Nhà xuất bản Khoa học tự nhiên và Công nghệ) xuất bản. Ứng viên là chủ biên 1 sách chuyên khảo (số TT 2) sau khi được công nhận chức danh PGS.

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận PGS/TS				
1	Nghiên cứu tính đa dạng, một số đặc điểm sinh thái và âm sinh học của các loài thú ở	CN	Mã số: 106.11-2012.02	2013-2016	2016, xếp loại Đạt.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82 /HDGSNN ngày 18 /5/2022 của Chủ tịch HDGS nhà nước

	hệ sinh thái rừng ngập mặn của Việt Nam		Đề tài cấp Quốc gia (Quỹ NAFOSTED)		
II	Sau khi được công nhận PGS/TS				
1	Nghiên cứu tính đa dạng, một số đặc điểm sinh thái học và âm sinh học của các loài thú ở hệ sinh thái rừng ngập mặn của Việt Nam.	CN	Mã số 106.05-2017.35 Đề tài cấp Quốc gia (Quỹ NAFOSTED)	2017-2020	01/12/2021, xếp loại Đạt.
2	Nghiên cứu hiện trạng khu hệ thú ở Quần đảo Lý Sơn và một số mầm bệnh dịch mới phát sinh nhằm ngăn chặn khả năng gây bùng phát bệnh dịch động vật trên quần đảo	CN	Mã số VAST04.10/17-18	2017-2018	29/3/2019
...					

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS							
	<i>Tạp chí quốc tế thuộc danh sách ISI</i>							
1	New records of Microchiroptera (Rhinolophidae and Kerivoulinae) from Vietnam and Thailand	6	C	Acta Chiropterologica 1508-1109	ISI (1.145; Q2)	28	8(1): 83-93	2006
2	A new species of <i>Kerivoula</i> (Chiroptera: Vespertilionida)	11		Acta Chiropterologica 1508-1109	ISI (1.145; Q2)	42	9(2): 323-337	2007

	e) from Southeast Asia							
3	A taxonomic review of <i>Rhinolophus stheno</i> and <i>R. malayanus</i> (Chiroptera: Rhinolophidae) from continental Southeast Asia: an evaluation of echolocation call frequency in discriminating between cryptic species	7		Acta Chiropterologica 1508-1109	ISI (1.145; Q2)	51	10(2): 221-242	2008
4	Description of a new species belonging to the <i>Murina 'suilla-group'</i> (Chiroptera: Vespertilionidae: Murinae) from north Vietnam	4		Acta Chiropterologica 1508-1109	ISI (1.145; Q2)	40	11(2): 225-236	2009
5	A taxonomic review of <i>Rhinolophus coelophyllus</i> Peters 1867 and <i>R. shameli</i> Tate 1943 (Chiroptera: Rhinolophidae) in continental Southeast Asia	11		Acta Chiropterologica 1508-1109	ISI (1.145; Q2)	16	13(1): 41-59	2011
6	A new species of <i>Rhinolophus</i> (Chiroptera:	2	C	Zoological Science 0289-0003	ISI (0.9311 Q3)	16	28: 235-241	2011

	Rhinolophidae) from China							
7	Further records of <i>Murina tiensa</i> from Vietnam with first information on its echolocation calls	9	C	Hystrix – Italian Journal of Mammalogy 0394-1914	ISI (1.449; Q2)	12	22(1): 129-138	2011
8	Systematics of the <i>Hipposideros turpis</i> complex and a description of a new subspecies from Vietnam	11	C	Mammal Review 1365-2907	ISI (4.927; Q1)	64	42(2): 166-192	2012
9	A new species of <i>Hipposideros</i> (Chiroptera: Hipposideridae) from Vietnam	8	C	Journal of Mammalogy 0022-2372	ISI (2.416; Q1)	54	93(1): 1-11	2012
10	Morphometric variation in the <i>pusillus</i> group of the genus <i>Rhinolophus</i> (Mammalia: Chiroptera: Rhinolophidae) in East Asia	6		Zoological Science 0289-0003	ISI (0.9311 Q3)	4	29: 396-402	2012
11	Resolving a mammal mystery: the identity of <i>Paracoelops megalotis</i> (Chiroptera: Hipposideridae)	7	C	Zootaxa 1175-5326	ISI (0.959; Q2)	12	3505: 75-85	2012
12	Phylogeography of <i>Hipposideros</i>	9		Journal of Biogeography	ISI (4.324; Q1)	42	40: 1-11	2013

	<i>armiger</i> (Chiroptera: Hipposideridae) in the Oriental Region: the contribution of multiple Pleistocene glacial refugia and intrinsic factors to contemporary population genetic structure			0305-0270				
13	Multiple cases of asymmetric introgression among horseshoe bats detected by phylogenetic conflicts across loci	6		Biological Journal of the Linnean Society 0024-4066	ISI (2.318; Q1)	23	110: 346-361	2013
14	A review of the <i>Murina cyclotis</i> complex (Chiroptera: Vespertilionida e) with descriptions of a new species and subspecies	10		Acta Chiropterologica 1508-1109	ISI (1.145; Q2)	27	15(2): 271- 292	2013
15	Description of a new species of <i>Myotis</i> (Vespertilionida e) from Vietnam	10		Acta Chiropterologica 1508-1109	ISI (1.145; Q2)	11	15(2): 473- 483	2013
16	How and why overcome the impediments to resolution: lessons from	8		Molecular Biology and Evolution 0737-4038	ISI (16.240; Q1)	84	32(2): 313- 333	2014

	rhinolophid and hipposiderid bats							
17	The reds and the yellows: a review of Asian <i>Chrysopteron Jentink, 1910</i> (Chiroptera: Vespertilionidae: <i>Myotis</i>)	10		Journal of Mammalogy 0022-2372	ISI (2.416; Q1)	27	95(4): 663-678	2014
18	Bat Lyssaviruses, Northern Vietnam	8		Emerging Infectious Diseases 1080-6040	ISI (8.222; Q1)	12	20(1): 161-163	2014
19	Taxonomic implications of geographical variation in <i>Rhinolophus affinis</i> (Chiroptera: Rhinolophidae) in mainland Southeast Asia	10		Zoological Studies 1021-5506	ISI (2.058; Q1)	24	54(31): 1-29	2015
20	Multivariate analysis of the skull size and shape in tubenosed bats of the genus <i>Murina</i> (Chiroptera: Vespertilionidae) from Vietnam	6		Mammal Study 1348-6160	ISI (0.723; Q3)	13	40: 79-94	2015
21	A new species of the genus <i>Murina</i> (Chiroptera: Vespertilionidae) from the	9		Acta Chiropterologica 1508-1109	ISI (1.145; Q2)		17(2): 201-232	2015

	Central Highlands of Vietnam with a review of the subfamily Murinae in Vietnam							
<i>Tap chí quốc tế không thuộc danh sách ISI</i>								
22	Description of a new species of <i>Murina</i> from Vietnam (Chiroptera: Vespertilionidae: Murinae)	4		Occasional Papers, Museum of Texas Tech University 0149-175X	QT		268: 1-10	2007
23	A checklist of bats from Cambodia, including the first record of the intermediate horseshoe bat <i>Rhinolophus affinis</i> (Chiroptera: Rhinolophidae), with additional information from Thailand and Vietnam	13		Cambodian Journal of Natural History 2309-5423	QT		49-59	2011
<i>Tap chí Sinh học</i>								
24	Loài Dơi quả núi cao – <i>Sphaerias blanfordi</i> (Thomas, 1891) phát hiện được ở Việt Nam	3	C	Tap chí Sinh học 0866-7160	QG		23(1): 17-20	2001
25	Kết quả nghiên cứu dơi ở khu vực Pù Hoạt, tỉnh Nghệ An	1	C	Tap chí Sinh học 0866-7160	QG		24(2): 15-21	2002

26	Dẫn liệu mới về các loài dơi ngựa (<i>Pteropus</i> spp.) và hiện trạng của chúng ở Việt Nam	1	C	Tạp chí Sinh học 0866-7160	QG		26(3): 10-17	2004
27	Kết quả điều tra dơi ở các khu vực Đồng Phúc, Bản Thi-Xuân Lạc (tỉnh Bắc Kạn) và Sinh Long, Bản Lãm (tỉnh Tuyên Quang)	2		Tạp chí Sinh học 0866-7160	QG		26(4): 25-30	2004
28	Kết quả điều tra dơi ở Vườn Quốc gia Bạch Mã	2	C	Tạp chí Sinh học 0866-7160	QG		27(2): 39-45	2005
29	Sự đa dạng của khu hệ thú (Mammalia) ở tỉnh Bình Định	2	C	Tạp chí Sinh học 0866-7160	QG		27(4A): 1-10	2005
30	Thành phần loài dơi (Chiroptera) hiện biết ở Việt Nam	2	C	Tạp chí Sinh học 0866-7160	QG		27(4A): 51-59	2005
31	Bổ sung hai loài dơi mới cho khu hệ dơi Việt Nam	3	C	Tạp chí Sinh học 0866-7160	QG		27(4):7-10	2005
32	Thành phần loài dơi hiện biết ở khu dự trữ sinh quyển Cát Bà	2	C	Tạp chí Sinh học 0866-7160	QG		30(3): 73-77	2008
33	Hiện trạng các loài dơi thuộc giống <i>Pteropus</i> ở Việt Nam	4		Tạp chí Sinh học 0866-7160	QG		31(3): 52-57	2009
34	New records of Griffin's Leaf-	1	C	Tạp chí Sinh học	QG		34(3): 323-327	2012

	nosed bat (<i>Hipposideros griffin</i> Thong et al. 2012) from Vietnam			0866-7160				
35	Hiệu chỉnh thành phần loài dơi nếp mũi (<i>Hipposideridae</i>) ở Việt Nam và một số đặc điểm của <i>Hipposideros alongensis</i>	1	C	Tạp chí Sinh học 0866-7160	QG		35(2):178-184	2013
36	Taxonomic and distributional assessments of <i>Chaerephon plicatus</i> (Chiroptera: Molossidae) from Vietnam	1	C	Tạp chí Sinh học 0866-7160	QG		36(4): 479-486	2014
37	Acoustic identification and taxonomic remarks of hipposiderids and rhinolophids (Chiroptera: Hipposideridae, Rhinolophidae) in Tam Dao National Park, northeastern Vietnam	1	C	Tạp chí Sinh học 0866-7160	QG		36(4): 487-493	2014
38	First ecological data of flying foxes (Chiroptera: Pteropodidae) in Vietnam	3	C	Tạp chí Sinh học 0866-7160	QG		37(3): 312-316	2015

39	Bats of Cat Tien National Park: 21 diversity, echolocation and taxonomic remarks	1	C	Tạp chí Sinh học 0866-7160	QG		37(3): 336-343	2015
40	Đánh giá tính đa dạng và hiện trạng các loài dơi ở Khu Dự trữ Sinh quyển Cù Lao Chàm-Hội An. http://vjs.ac.vn/index.php/vjbio/article/view/7824	1	C	Tạp chí Sinh học 0866-7160	QG		38(1): 33-38	2016
41	Morphological and acoustic identification of hipposiderids (Chiroptera: Hipposideridae) from Xuan Son National Park, northeastern Vietnam.	1	C	Tạp chí Sinh học 0866-7160	QG		38(3):298-303	2016
Tạp chí Công nghệ Sinh học								
42	Phạm vi phân bố và tình trạng bảo tồn của một số loài dơi thuộc họ Dơi nếp mũi và Dơi lá mũi ở Việt Nam.	4		Tạp chí Công nghệ Sinh học 1811-4989	QG		8(3A): 981-990	2010
43	Tổng quan tình hình nghiên cứu và kết quả điều tra dơi ở hai vườn quốc gia:	4		Tạp chí Công nghệ Sinh học 1811-4989	QG		8(3A):999-1005	2010

	Côn Đảo và Bái Tử Long.							
<i>Tạp chí Khoa học (Đại học Quốc gia Hà Nội xuất bản)</i>								
44	The curenly known bat species composition of Khau Ca Species and Habitat Conservation Area, Ha Giang province.	6		VNU Journal of Science 2588-1140	QG		30(3S): 103-109	2014
45	Đặc điểm hình thái, siêu âm và phân bố của loài Dơi lá đuôi <i>Rhinolophus affinis</i> (Chiroptera: Rhinolophidae) ở Việt Nam	5		VNU Journal of Science 2588-1140	QG		31(4S): 339–346	2015
46	Đặc điểm phân loại, tiếng kêu siêu âm và hiện trạng của loài Dơi nếp mũi ga-lê <i>Hipposideros galeritus</i> (Chiroptera: Hipposideridae) ở Việt Nam	3	C	VNU Journal of Science 2588-1140	QG		31(4S): 381–387	2015
<i>Tạp chí khoa học (Đại học Sư phạm Hà Nội xuất bản)</i>								
47	Hiện trạng dơi ở khu vực Hương Sơn – tỉnh Hà Tĩnh	2	C	Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm Hà Nội 0868-3719	QG		48(4): 132–136	2003
48	Thành phần loài dơi hiện biết ở Việt Nam	4	C	Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm Hà Nội 0868-3719	QG		49(4): 120–126	2004

	và tên tiếng Việt của chúng							
49	Khóa định loại các loài dơi hiện biết ở Vườn Quốc gia Bạch Mã và khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hoạt	2	C	Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm Hà Nội 0868-3719	QG		49(4): 127-130	2004
50	First record of <i>Hipposideros khaokhouayensis</i> (Chiroptera: Hipposideridae) from Vietnam	7	C	Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm Hà Nội 0868-3719	QG		53(5): 138-143	2008
51	New findings and an extensive description of <i>Rhinolophus marshalli</i> Thonglongya, 1973 in Vietnam	1	C	Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm Hà Nội 0868-3719	QG		57(8): 3-10	2012
Kỷ yếu hội nghị khoa học quốc tế								
52	Acoustic identification and taxonomic remarks of horseshoe bats (Chiroptera: rhinolophidae) in Cat Ba National Park, north-eastern Vietnam	1	C	Proceedings of the first international VAST-BAS conference.	HNQT		323-328	2014
53	Taxonomy and ecology of <i>Cynopterus horsfieldi</i> (Chiroptera:	1	C	Proceedings of the first international VAST-BAS conference.	HNQT		329-334	2014

	Pteropodidae) from Vietnam							
Kỷ yếu hội nghị khoa học quốc gia								
54	Các loài dơi đã ghi nhận được ở khu bảo tồn thiên nhiên Na Hang và vườn quốc gia Ba Bể	3		Kỷ yếu HNQG về Khoa học Sự sống. Nxb Lao Động-Hà Nội.	HNQG		109–114	2003
55	Khu hệ dơi ở khu bảo tồn thiên nhiên Na Hang, tỉnh Tuyên Quang	3		Kỷ yếu HNQG về Khoa học Sự sống. Nxb Khoa học Kỹ thuật.	HNQG		721–724	2003
56	Hiện trạng các loài thú quý hiếm ở khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông	2		Kỷ yếu HNQG về Khoa học Sự sống. Nxb Khoa học Kỹ thuật.	HNQG		55–58	2004
57	Thành phần loài dơi ở khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông	2		Kỷ yếu HNQG về Khoa học Sự sống. Nxb Khoa học Kỹ thuật.	HNQG		245–248	2004
58	Kết quả bước đầu điều tra dơi ở vườn quốc gia Xuân Sơn	4		Kỷ yếu HNQG về Khoa học Sự sống. Nxb Khoa học Kỹ thuật.	HNQG		267–270	2004
59	Đa dạng thành phần loài dơi ở khu vực vườn quốc gia Ba Bể và khu bảo tồn thiên nhiên Na Hang	2		Kỷ yếu HNQG về Khoa học Sự sống. Nxb Khoa học Kỹ thuật.	HNQG		272–275	2005
60	Đa dạng dơi ở khu bảo tồn thiên nhiên Ngọc Linh và vườn quốc gia Chư Mom Ray (tỉnh Kon Tum)	4		Kỷ yếu HNQG về Khoa học Sự sống. Nxb Khoa học Kỹ thuật.	HNQG		305–308	2005

61	Hiện trạng dơi ở vườn quốc gia Xuân Sơn và vùng phụ cận	3		Kỷ yếu HNQG về Khoa học Sự sống. Nxb Khoa học Kỹ thuật.	HNQG		320–323	2005
62	Phân bố của các loài dơi hiện biết ở vườn quốc gia Bạch Mã	1		Kỷ yếu HNQG về Sinh thái và TNSV. Nxb Nông nghiệp.	HNQG		473–479	2005
63	Đa dạng thành phần loài dơi (Chiroptera) tại vườn quốc gia Ba Bể (tỉnh Bắc Kạn)	4		Kỷ yếu HNQG về Khoa học Sự sống. Nxb Khoa học Kỹ thuật.	HNQG		73–76	2007
64	Đa dạng động vật rừng (thú, chim, bò sát và ếch nhái) ở núi Tam tao, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn	5		Kỷ yếu HNQG về Khoa học Sự sống. Nxb Khoa học Kỹ thuật.	HNQG		85–88	2007
65	Thành phần loài dơi hiện biết ở vườn quốc gia Yok Đôn và hiện trạng của loài Dơi quả không đuôi lớn <i>Megaerops niphanae</i> ở Việt Nam	6		Kỷ yếu HNQG về Khoa học Sự sống. Nxb Khoa học Kỹ thuật.	HNQG		199–201	2007
66	Dẫn liệu về siêu âm của Dơi lá rẻ quạt <i>Rhinolophus marshalli</i> ghi nhận được ở vườn quốc gia Cát Bà và hiện trạng của loài này ở Việt Nam	7		Kỷ yếu HNQG về Sinh thái và TNSV. Nxb Nông nghiệp.	HNQG		274–277	2007

67	Kết quả bước đầu điều tra các loài dơi và gặm nhấm tại khu bảo tồn thiên nhiên và di tích Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai	5		Kỷ yếu HNQG về Sinh thái và TNSV. Nxb Nông nghiệp.	HNQG		776–783	2009
68	Thành phần loài dơi hiện biết ở khu vực Mường Do, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La	5		Kỷ yếu HNQG về Sinh thái và TNSV. Nxb Nông nghiệp.	HNQG		818–822	2009
69	Kết quả điều tra dơi ở vườn quốc gia Chư Mom Ray, tỉnh Kon Tum và khu bảo tồn thiên nhiên Sông Thanh, tỉnh Quảng Nam	2		Kỷ yếu HNQG về Sinh thái và TNSV. Nxb Nông nghiệp.	HNQG		314-318	2011
70	Kết quả bước đầu điều tra tính đa dạng của khu hệ thú (Mammalia) vùng đồi núi thuộc thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương	2		Kỷ yếu HNQG về Sinh thái và TNSV. Nxb Nông nghiệp.	HNQG		892–895	2011
71	Đặc điểm nhận diện và hiện trạng của Dơi nếp mũi Đông Dương (<i>Hipposideros scutinares</i>) ở Việt Nam	1		Kỷ yếu HNQG về Nghiên cứu và Giảng dạy sinh học. Nxb Nông nghiệp.	HNQG		305–309	2012
72	Thành phần loài dơi ở khu vực Ba Hòn, huyện	4		Kỷ yếu HNQG về Sinh thái và	HNQG		865–871	2015

	Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang			TNSV. Nxb Nông nghiệp.				
73	Dẫn liệu bước đầu về các loài thú hiện biết ở Khu Bảo tồn biển Cù Lao Chàm	3		Kỷ yếu HNQG về Nghiên cứu và Giảng dạy sinh học lần thứ hai. Nxb ĐHQGHN.	HNQG		732–736	2016
74	Tổng quan tình hình nghiên cứu dơi ở Vườn Quốc gia Cát Bà và thảo luận về một số ghi nhận trước đây.	3		Kỷ yếu HNQG về Nghiên cứu và Giảng dạy sinh học lần thứ hai. Nxb ĐHQGHN.	HNQG		737–744	2016
Trước khi được công nhận PGS								
<i>Tap chí quốc tế thuộc danh sách ISI</i>								
75	First records of <i>Myotis altarium</i> (Chiroptera: Vespertilionidae) from India and Vietnam	14	C	Mammal Study 1348-6160	ISI (0.723; Q3)		43: 67-73	2018
76	New findings of spinturnicid mites (Mesostigmata: Gamasina: Spinturnicidae) from the Caucasus	5	C	Parasitology International 1383-5769	ISI (2.106; Q2)		85 (2021) 102429: 1-5	2021
77	First record of <i>Eyndhovenia</i> (Mesostigmata: Gamasina: Spinturnicidae) from Vietnam	5	C	Parasitology International 1383-5769	ISI (2.106; Q2)	3	82(2021) 102301: 1-3	2021
78	Bat Diversity in Cat Ba Biosphere Reserve, Northeastern Vietnam: A Review with New Records from Mangrove Ecosystem	14	C	Diversity 1424-2818	ISI (3.029; Q1)	2	13(376): 1-29	2021

79	First Records of Bats (Mammalia: Chiroptera) from the World's Largest Cave in Vietnam	3	C	Diversity 1424-2818	ISI (3.029; Q1)		14(534):1-13	2022
80	Importance of Mangroves for Bat Research and Conservation: A Case Study from Vietnam with Notes on Echolocation of <i>Myotis hasselti</i>	11	C	Diversity 1424-2818	ISI (3.029; Q1)		14(258): 1-15	2022
81	Comparative phylogeography of bamboo bats of the genus <i>Tylonycteris</i> (Chiroptera, Vespertilionidae) in Southeast Asia	8		European Journal of Taxonomy 2118-9773	ISI (1.372; Q2)	33	274: 1-38	2017
82	The first record of <i>Ia io</i> Thomas, 1902 (Mammalia: Chiroptera: Vespertilionidae) from the Sundaic Subregion, with a description of a new subspecies from peninsular Thailand	12		Zootaxa 1175-5326	ISI (0.959; Q2)	5	4344(3): 573-588	2017
83	Multilocus phylogeny and species delimitation within the philippinensis group (Chiroptera: Rhinolophidae)	8		Zoologica Scripta	ISI (3.140; Q1)	8	1-18	2018
84	Species delimitation and evolutionary reconstruction within an integrative taxonomic framework: A case	10		Molecular Phylogenetics and Evolution 1055-7903	ISI (4.286; Q1)	6	139 (106544): 1-14.	2019

	study on Rhinolophus macrootis complex (Chiroptera: Rhinolophidae)							
85	Resolving evolutionary relationships among six closely related taxa of the horseshoe bats (Rhinolophus) with targeted resequencing data	4		Molecular Phylogenetics and Evolution 1055-7903	ISI (4.286; Q1)	10	139 (106551): 1- 8	2019
86	Characterization of a novel alphaherpesvirus isolated from the fruit bat Pteropus lylei, in Viet Nam	21		Journal of Virology	ISI (4.501; Q1)		1-56	2020
87	Fireflies produce ultrasonic clicks during flight as a potential aposematic anti- bat signal	7		iScience	ISI (6.233; Q1)		24(102194): 1-15	2021
88	Contributions to the biodiversity of Vietnam – Results of VIETBIO inventory work and field training in Cuc Phuong National Park	57		Biodiversity Data Journal	ISI (1.331; Q2)		10(e77025): 1-12	2022
89	New geographical and host records of bat fleas (Siphonaptera: Ischnopsyllidae) in Russia	5		Annals of Parasitology 2299-0631	ISI (0.66; Q4)		68(1): 121- 128	2022
90	Expert range maps of global mammal distributions harmonised to three taxonomic authorities	150		Journal of Biogeography 0305-0270	ISI (4.324; Q1)		(00):1–14	2022
<i>Tạp chí Sinh học / Academia Journal of Biology</i>								

91	First record of bats (Mammalia: Chiroptera) from mangrove in Dam Nai area, Ninh Thuan province, central Vietnam	1	C	Academia Journal of Biology 2615-9023	QG	1	43(2): 135–139	2021
92	New records of Hipposideros griffini from lava caves and threats to its conservation in Vietnam	1	C	Tạp chí Sinh học 0866-7160	QG	2	41(4): 25-30	2019
93	An assessment of diversity and taxonomic status of mammals from Krong Trai Nature Reserve, Phu Yen province, Central Vietnam	2	C	Tạp chí Sinh học 0866-7160	QG		41(2se-2se): 442-449	2019
94	Diversity, taxonomy and conservation status of horseshoe bats (Chiroptera: Rhinolophidae) in Vietnam	8		Tạp chí Sinh học 0866-7160	QG		39(2): 161-171	2017
95	First records of bats (Mammalia: Chiroptera) from Muong Phang Cultural and Historical Site, Dien Bien province, Northeastern Vietnam	2		Tạp chí Sinh học 0866-7160	QG		39(3): 396-402	2017
96	New records of bats (Mammalia: Chiroptera) from Cu Lao Cham and Ly Son archipelagos, Cetral Vietnam	5	C	Tạp chí Sinh học 0866-7160	QG		40(4): 13-21	2018
97	Diversity and ecology of bat flies (Diptera: Nycteribiidae, Streblidae) from	3		Tạp chí Sinh học 0866-7160	QG		40(1): 7-12	2018

	Cat Ba National Park							
98	First record of bats and their echolocation from My Son Sanctuary area, Quang Nam province, Central Vietnam	3		Tạp chí Sinh học 0866-7160	QG		41(2se-2se): 433-441	2019
99	Horseshoe bat species recorded in the mangrove ecosystem of the Cat Ba National Park, Northern Vietnam	11	C	Academia Journal of Biology 2615-9023	QG		43(2): 127-133	2021
Tạp chí khoa học (Đại học Sư phạm Hà Nội xuất bản)								
100	Bats of Ly Son archipelago, Central Vietnam	1	C	Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm Hà Nội 0868-3719	QG		67(2): 129-136	2022
101	The conservation status of bats (Mammalia: Chiroptera) in Cat Ba National Park, northeastern Vietnam	3	C	Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm Hà Nội 0868-3719	QG		65(10): 92-98	2020
Kỷ yếu hội nghị khoa học quốc gia								
102	New records in morphology and echolocation of Myotis altarium and Myotis muricola (Mammalia: Chiroptera: Vespertilionidae) from Vietnam	3		HNTQ GDSH 3 978-604-913-695-5	HNQG		278-283	2018
103	Bat species (Mammalia: Chiroptera) recorded from Dien Bien, Lai Chau and Son La provinces	4		HNTQ STNSV 7 978-604-913-615-3	HNQG		525-531	2017

Ban hành kèm theo Công văn số: 82 /HĐGSNN ngày 18 /5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

104	Diversity and distribution of bat species of Pipistrellus and Myotis (Chiroptera: Vespertilionidae) from Vietnam	4		HNTQ STTNSV 7 978-604-913-615-3	HNQG		253–258	2017
-----	--	---	--	------------------------------------	------	--	---------	------

- Trong đó: có 6 bài báo (số TT 75, 76, 77, 78, 79, 80) đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín thuộc danh sách ISI mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận và bổ nhiệm chức danh PGS.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82 /HDGSNN ngày 18 /5/2022 của Chủ tịch HDGS nhà nước

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích: không.

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao): không.

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

Tham gia xây dựng khung chương trình đào tạo trình độ Tiến sĩ (2016) của Khoa Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, chuyên ngành Động vật học (phê duyệt theo Quyết định số 695/QĐ-HVKHCN ngày 3/11/2016).

Tham gia xây dựng khung chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ (2017) của Khoa Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, chuyên ngành Động vật học (phê duyệt theo Quyết định số 477/QĐ-HVKHCN ngày 22/6/2017).

Xây dựng đề cương chi tiết các môn học trình độ Thạc sĩ:

- Phương pháp luận nghiên cứu khoa học (mã số ECO2004);
- Thú học (mã số ECO3014).

Chủ trì 2 đề tài khoa học cấp quốc gia (Quỹ NAFOSTED) và 1 đề tài cấp Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*: không.

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 27 tháng 6 năm 2022

NGƯỜI ĐĂNG KÝ



Vũ Đình Thống